

TUẦN 5

TOÁN (TĂNG) LUYỆN TẬP: BẢNG NHÂN 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố cho HS về bảng nhân 9.
- Vận dụng bảng nhân 9 vào tính toán và giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 9.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, ti vi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép tính trong bảng nhân 9 đã học.
 - Khuyến khích HS đọc thuộc bảng nhân 9
 - YC HS nhận xét về các cột thừa số, cột tích trong bảng nhân 9.
 - GV chốt: Cột thừa số thứ nhất đều là 9; cột thừa số thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1...10; cột tích là dãy số đếm thêm 9 từ 9 đến 90.
 - Gv kết hợp giới thiệu bài
- HS hỏi đáp nhau trước lớp
 - HS đọc
 - * HS nêu

2. Luyện tập

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$9 \times \dots = 36$	$9 \times \dots = 45$
$9 \times \dots = 63$	$9 \times \dots = 72$
$3 \times \dots = 27$	$9 \times \dots = 81$
$9 \times \dots = 0$	$2 \times 3 \times \dots = 54$

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào vở.
- Tổ chức chữa bài, nhận xét

Chốt: Củng cố lại các phép tính trong bảng nhân 9.

Bài 2: Chuyển thành phép nhân rồi tính kết quả.

- a, $9 + 9 + 9$
- b, $9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9$
- c, $6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6$
- d, $9 \times 7 + 9$
- e, $9 \times 7 - 9$

- Cho HS nêu y/c bài
- Cho HS thảo luận cặp, làm bài
- Tổ chức chữa, nhận xét

- GV chốt: Củng cố cơ sở để lập phép nhân 9 từ phép cộng các số hạng bằng nhau.

Bài 3: Mỗi can dầu chứa 9 l dầu. Hỏi 5 can như thế chứa tất cả bao nhiêu lít dầu ?

- Cho HS đọc bài toán, tóm tắt bài toán.
- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán hỏi gì?
- Yêu cầu HS nêu cách làm.
- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài, nhận xét

- HS nêu yc.
- HS làm việc cá nhân vào vở.
- Mỗi HS báo cáo 1 phép tính.

Đáp án:

$9 \times 4 = 36$	$9 \times 5 = 45$
$9 \times 7 = 63$	$9 \times 8 = 72$
$3 \times 9 = 27$	$9 \times 9 = 81$
$9 \times 0 = 0$	$2 \times 3 \times 9 = 54$

- 1 HS nêu yc.
- HS làm việc cá nhân.
- 1 số HS chữa bài trước lớp, giải thích cách làm phần d, e.

Đáp án:

- a, $9 + 9 + 9 = 9 \times 3 = 27$
- b, $9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 9 \times 7 = 63$
- c, $6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6 = 6 \times 9 = 54$
- d, $9 \times 7 + 9 = 9 \times 8 = 72$
- e, $9 \times 7 - 9 = 9 \times 6 = 54$

- 1 - 2 HS đọc bài toán, tóm tắt
- Bài toán cho biết: Mỗi can dầu chứa 9l dầu.
- Bài toán hỏi: 5 can dầu như thế chứa bao nhiêu lít dầu?
- HS nêu: Lấy số lít dầu của 1 can nhân với số can.
- HS làm bài, chữa bài.

Bài giải

- Chốt : *Củng cố bài toán giải bằng phép tính nhân có liên quan đến bảng nhân 9.*

Bài 4:

Tìm tích của số lớn nhất có một chữ số với số liền trước của nó.

- GV thu chấm, nhận xét.

-> Củng cố về phép nhân hai số, cách tìm số liền trước.

3. Vận dụng

- Em hãy tự đặt 1 đề toán liên quan đến bảng nhân 9 và thực hiện giải.

Tổ chức báo cáo, nhận xét.

- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế sử dụng phép nhân trong bảng nhân 9, hôm sau chia sẻ với cô và các bạn.

5 can có số lít dầu là :

$$9 \times 5 = 45 (l)$$

Đáp số: 45 l dầu

+ HĐ cá nhân

- KKHS làm vở -> chữa bài

Đáp án:

- Số lớn nhất có một chữ số là 9.

- Số liền trước của 9 là 8.

- Vậy tích của hai số là: $9 \times 8 = 72$

Đáp số : 72

- HS làm việc nhóm 4 thực hiện yêu cầu

Đại diện một số nhóm báo cáo.

Lớp nhận xét.

- HS theo dõi yêu cầu

TOÁN(TĂNG)

LUYỆN TẬP: BẢNG NHÂN 7, 8, 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố cho HS về bảng nhân 7, 8, 9.

- Rèn cho HS thuộc bảng nhân 7, 8, 9; vận dụng vào tính toán và vận dụng vào giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 7, 8, 9.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, ti vi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép tính trong bảng nhân 7, 8, 9 đã học.

- Khuyến khích HS đọc thuộc bảng nhân 7, 8, 9

- YC HS nhận xét về các cột thừa số, cột tích trong bảng nhân 7, 8, 9.

- GV chốt: Cách ghi nhớ các bảng nhân 7, 8, 9 dựa vào đặc điểm của các bảng nhân.

- Gv kết hợp giới thiệu bài

2. Luyện tập

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$7 \times \dots = 28$	$8 \times \dots = 48$
$8 \times \dots = 40$	$9 \times \dots = 54$
$\dots \times 7 = 35$	$9 \times \dots = 90$
$7 \times \dots = 7$	$2 \times 9 \times \dots = 0$
$8 \times 7 \times \dots = 56$	$9 \times 8 + \dots = 81$

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào vở.
- Tổ chức chữa bài, nhận xét

Chốt: Củng cố lại các phép tính trong bảng nhân 7, 8, 9.

Bài 2: Chuyển thành phép nhân rồi tính kết quả.

a, $7 + 7 + 7 + 7$

b, $9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9$

c, $8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8$

d, $9 \times 8 + 9$

- HS hỏi đáp nhau trước lớp

- HS đọc

- * HS nêu

- HS nêu yc.

- HS làm việc cá nhân vào vở.

- Mỗi HS báo cáo 1 phép tính.

Đáp án:

$7 \times 4 = 28$	$8 \times 6 = 48$
$8 \times 5 = 40$	$9 \times 6 = 54$
$5 \times 7 = 35$	$9 \times 10 = 90$
$7 \times 1 = 7$	$2 \times 9 \times 0 = 0$
$8 \times 7 \times 1 = 56$	$9 \times 8 + 9 = 81$

e, $8 \times 8 - 8$

- Cho HS nêu y/c bài
- Cho HS thảo luận cặp, làm bài
- Tổ chức chữa, nhận xét

- GV chốt: *Củng cố cơ sở để lập phép nhân 7, 8, 9 từ phép cộng các số hạng bằng nhau.*

Bài 3: Mỗi bao gạo chứa 8 kg gạo. Hỏi 9 bao như thế chứa tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- Cho HS đọc bài toán
- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán hỏi gì?

- Yêu cầu HS tóm tắt bài toán và nêu cách làm.

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài, nhận xét

- Chốt : *Củng cố bài toán giải bằng phép tính nhân có liên quan đến bảng nhân 9.*

Bài 4:

Tìm tích của số lẻ nhỏ nhất có một chữ số với số chẵn lớn nhất có một chữ số.

- GV thu chấm, nhận xét.

-> *Củng cố về phép nhân hai số: số lẻ nhỏ nhất có một chữ số và số chẵn lớn nhất có một chữ số*

3. Vận dụng

- 1 HS nêu yc.

- HS làm việc cá nhân.

- 1 số HS chữa bài trước lớp, giải thích cách làm phần d, e.

Đáp án:

a, $7 + 7 + 7 + 7 = 7 \times 4 = 28$

b, $9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 9 \times 7 = 63$

c, $8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 = 8 \times 9 = 72$

d, $9 \times 8 + 9 = 9 \times 9 = 81$

e, $8 \times 8 - 8 = 8 \times 7 = 56$

- 1 - 2 HS đọc bài toán

- Bài toán cho biết: Mỗi bao gạo chứa 8 kg gạo.

- Bài toán hỏi: Hỏi 9 bao như thế chứa tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- HS tóm tắt, nêu cách làm: Lấy số ki-lô-gam của 1 bao nhân với số bao.

- HS làm bài, chữa bài.

Bài giải

9 bao như thế chứa tất cả số ki-lô-gam gạo là:

$$8 \times 9 = 72 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 72 kg gạo

+ HĐ cá nhân

- KKHS làm vở -> chữa bài

Đáp án:

- Số lẻ nhỏ nhất có một chữ số là 1.

- Số chẵn lớn nhất có một chữ số là 8.

- Vậy tích của hai số là: $1 \times 8 = 8$

- Em hãy tự đặt 1 đề toán liên quan đến bảng nhân 7, 8 hoặc 9 và thực hiện giải.
Tổ chức báo cáo, nhận xét.

- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế sử dụng phép nhân trong bảng nhân 9, hôm sau chia sẻ với cô và các bạn.

Đáp số : 8

- HS làm việc nhóm 4 thực hiện yêu cầu

Đại diện một số nhóm báo cáo.

Lớp nhận xét.

- HS theo dõi yêu cầu

TOÁN(TĂNG)

LUYỆN TẬP: GAM, KI-LÔ-GAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố về đơn vị đo khối lượng gam, ki-lô-gam; mối liên hệ giữa gam và ki-lô-gam; thực hiện 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số đo khối lượng là gam, giải toán có lời văn liên quan đến số đo khối lượng gam và ki-lô-gam.

- Rèn kĩ năng làm tính, giải toán liên quan đến đơn vị đo khối lượng; kĩ năng phối hợp với bạn để ôn lại kiến thức đã học; đánh giá được bài làm của bạn, của mình.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Cân hai đĩa, cân đồng hồ, túi đường 1kg.

- Máy tính, ti vi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV cho HS chơi trò chơi trò chơi “Đi chợ”, thực hành cân một số đồ vật và ghi lại số lượng cân được để ôn lại cách đọc, viết số có kèm đơn vị gam, ki-lô-

- HS chơi trước lớp

gam.

- GV tổ chức nhận xét, tuyên dương
- Gv kết hợp giới thiệu bài

2. Luyện tập

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

1 kg =g	150g + 200g = ...g
1000 g = ... kg	750g - 250g = ...g
72 g : 9 = ... g	120g + ... = 1 kg
	8g x 7 = ...
	1000g + ... = 1 kg

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào vở.
- Tổ chức chữa bài, nhận xét

Chốt: Củng cố mối quan hệ giữa gam và ki-lô-gam, phép cộng các số kèm đơn vị gam.

Bài 2: Điền dấu <, >, =

15g ... 8g + 7g	1kg ... 995g + 5g
6g x 7 ... 5g x 8	392g - 6g ... 372g + 9g
8g x 6 ... 6g x 8	34g + 56g 1 kg
9g x 6 8g x 6	2 chục g x 5 ... 1 kg

- + Bài yêu cầu gì?
- + Muốn điền dấu chính xác làm gì?
- Yêu cầu HS tự làm bài rồi chữa trên bảng lớp.
- Gọi HS nhận xét bài trên bảng lớp.

- Chốt cách so sánh các phép tính liên quan đến đơn vị gam.

Bài 3: Một túi bánh và một túi kẹo cân nặng 1kg. Túi kẹo cân nặng 450g. Hỏi

- Lớp nhận xét

- HS nêu yc.

- HS làm việc cá nhân vào vở.

- Mỗi HS báo cáo 1 phép tính.

Đáp án:

1 kg = 1000g	150g + 200g = 350g
1000 g = 1 kg	750g - 250g = 500g
72 g : 9 = 8 g	120g + 880g = 1 kg
	8g x 7 = 56g
	1000g + 0g = 1 kg

+ Điền dấu < ; > ; =

+ Thực hiện tính rồi so kết quả.

- HS làm trong vở; 1 HS làm trên bảng lớp.

15g = 8g + 7g	1kg = 995g + 5g
6g x 7 > 5g x 8	392g - 6g > 372g + 9g
8g x 6 = 6g x 8	34g + 56g < 1 kg
9g x 6 > 8g x 6	2 chục g x 5 < 1 kg

túi bánh cân nặng bao nhiêu gam?

- Cho HS đọc bài toán, tóm tắt bài toán
- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán hỏi gì?

- Để tìm số gam của túi bánh em làm phép tính gì?

- Trước khi thực hiện phép trừ em cần lưu ý gì?

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài, nhận xét

- Chốt cách giải toán có lời văn liên quan đến đơn vị gam và ki-lô-gam.

3. Vận dụng:

Bài 4: Có các quả cân 1kg; 500g; 200g và 100g cùng với một cái cân loại hai đĩa. Làm thế nào để lấy ra được 700g đường từ một bao đường với một lần cân?

- Cho HS thảo luận nhóm 4 tìm cách làm.

- Tổ chức báo cáo và thực hành trước lớp.

Cách 1: Đặt hai quả cân 500g và 200g lên một trong hai đĩa cân, đổ đường vào đĩa còn lại cho tới khi cân thăng bằng ta được 700g đường.

Cách 2: Đặt một quả cân 1kg lên một trong hai đĩa cân. Đặt hai quả cân 100g và 200g lên đĩa cân còn lại. Đổ đường vào đĩa có hai quả cân cho tới khi thăng bằng, ta được 700g.

- Chốt cách sử dụng cân 2 đĩa một cách linh hoạt, thông minh.

- Yêu cầu HS nêu lại mối quan hệ giữa hai đơn vị đo ki-lô-gam và gam.

- Nhận xét tiết học.

- 1 - 2 HS đọc bài toán, tóm tắt

- Bài toán cho biết: Một túi bánh và một túi kẹo cân nặng 1kg. Túi kẹo cân nặng 450g.

- Bài toán hỏi: Hỏi túi bánh cân nặng bao nhiêu gam?

- HS nêu: Phép tính trừ

- Cần đổi 1kg ra đơn vị gam.

Bài giải

Đổi: $1\text{kg} = 1000\text{g}$

Túi bánh cân nặng số gam là:

$1000 - 450 = 550\text{ (g)}$

Đáp số: 550g gạo

- Các nhóm thảo luận theo sự điều hành của nhóm trưởng.

- Nhiều HS nêu cách làm.

- HS nêu

